

Cách chọn cơ sở y tế

医療機関の選び方

1 Bạn phải tự mình quyết định chọn đi tới cơ sở y tế nào.

どの医療機関に行くのかは自分で決めなければなりません。

2 Trước khi mắc bệnh, hãy tìm hiểu trước xem gần nhà, nơi làm việc, trường học v.v... có những bệnh viện như thế nào.

病気になる前に、自宅や勤務先、学校などの近くにどのような病院があるか調べておいてください。

3 Trong trường hợp đi tới các bệnh viện lớn thì cần phải có thư giới thiệu. Vì trong trường hợp không có thư giới thiệu, phí khám lần đầu sẽ trở nên rất đắt, do đó chúng tôi khuyên các bạn nên chọn đi những bệnh viện gần trước.

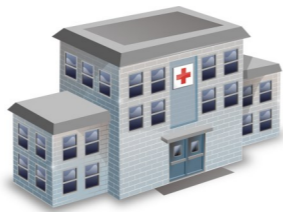
大きな病院に行く場合は、紹介状が必要です。紹介状がない場合は、初診料が高額になりますので、まずは近くの病院に行くことをお勧めします。

4 Bạn nên sử dụng BẢNG THĂM KHÁM Y TẾ ĐA NGÔN NGỮ khi không hiểu rõ tiếng. Ngoài ra, xin vui lòng xem trên trang chủ của AIA về những cơ sở y tế có thể đối ứng đa ngôn ngữ trong tỉnh Akita.

言葉が不安な時は「多言語医療問診票」の利用をお勧めします。また、秋田県内で外国語の対応ができる医療機関については、AIAのホームページをご覧ください。

言葉が不安な時は「多言語医療問診票」の利用をお勧めします。また、秋田県内で外国語の対応

ことができる医療機関については、AIAのホームページをご覧ください。



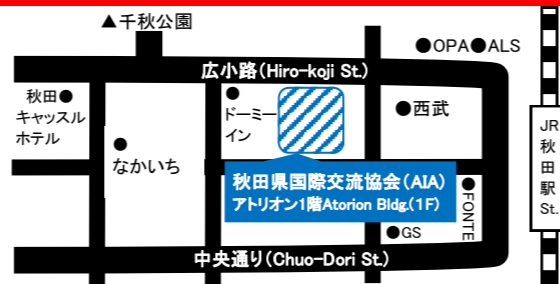
Tên các khoa khám chữa trong cơ sở y tế	医療機関の診療科名	Nội dung khám chữa	診療内容
Nội khoa	内科	Tình trạng bất ổn cơ thể tổng quát	からだの不調全般
Khoa nội tiêu hoá	消化器内科	Tình trạng bất ổn của dạ dày, ruột, gan...	胃、腸、肝臓などの不調
Khoa nội thần kinh	神経内科	Tình trạng của não, và hệ thần kinh	脳や神経の具合
Khoa tâm lý	精神科	Các bệnh về tinh thần	こころの病気
Khoa nhi	小児科	Bệnh của trẻ em từ học sinh trung học trở xuống.	中学生以下の子どもの病気
Khoa ngoại	外科	Vết thương, trầy xước các loại..	けが、傷など
Khoa ngoại chấn thương chỉnh hình	整形外科	Tình trạng của xương, khớp...	骨、関節などの具合
Khoa da liễu	皮膚科	Tình trạng da liễu, dị ứng các loại..	皮膚の具合、アレルギーなど
Khoa tiết niệu	泌尿器科	Tình trạng của thận, bàng quang, cơ quan sinh dục, tuyến tiền liệt...	腎臓、膀胱、生殖器、前立腺などの具合
Khoa sản	産婦人科	Mang bầu - sinh con, bệnh của phụ nữ, tình trạng thương tổn trong thời kỳ mãn kinh ...	妊娠・出産、女性の病気、更年期障害など
Khoa mắt	眼科	Các tình trạng về mắt	目の具合
Khoa tai mũi họng	耳鼻咽喉科	Các tình trạng về tai, mũi, họng	耳、鼻、喉の具合

Pháp nhân công ích Hiệp hội giao lưu quốc tế tỉnh Akita (AIA)

公益財団法人 秋田県国際交流協会

Tư vấn bằng điện thoại
018-884-7050

〒010-0001 秋田市中通2-3-8 アトリオン1階
Akita shi, chou dori 2-3-8 tòa nhà ATORION Tầng 1
【Số điện thoại】018-893-5499 【Số FAX】018-825-2566
【Trang chủ】http://www.aiahome.or.jp
【Thư điện tử】aia@aiahome.or.jp
【Thời gian mở cửa】月(Thứ 2)~金(Thứ 6)、第3土(Thứ 7 tuần thứ 3) / 9:00-17:45



Tiếng Việt Bản tin Số 19

Tài liệu phát miễn phí!

せいかつじょうほう し 生活情報誌 えいあいえい!!!

《Mục lục》

- P. 1 Chế độ bảo hiểm y tế của Nhật Bản
- P. 2 Bảo hiểm y tế công cộng
- P. 3 Cách thức khám chữa bệnh ở các cơ sở y tế
- P. 4 Cách chọn cơ sở y tế

2017.6発行



Giới thiệu cách thức thăm khám bệnh của các cơ quan y tế cho người nước ngoài.

外国人の方に、医療機関の受診方法を紹介します。

Chế độ bảo hiểm y tế của Nhật Bản

日本の医療保険制度

Bảo hiểm y tế công cộng

公的医療保険



- Tất cả những người đang sống tại Nhật Bản đều phải tham gia vào bảo hiểm y tế công cộng.
- Nếu tham gia vào bảo hiểm y tế công cộng thì sẽ phải trả phí bảo hiểm, tuy nhiên khi đi tới các cơ quan y tế thì chi phí khám chữa bệnh giảm chỉ còn 30%.
- Trong trường hợp không tham gia bảo hiểm y tế thì người bệnh phải tự chịu toàn bộ chi phí khám chữa bệnh.
- Khi tham gia vào bảo hiểm y tế công cộng thì bạn sẽ nhận được THẺ BẢO HIỂM SỨC KHỎE-
- Khi đi tới thăm khám tại các cơ quan y tế thì cần phải mang theo thẻ bảo hiểm sức khỏe.
- Tất cả các cơ quan y tế tại Nhật đều có tốn phí.

- 日本に住むすべての人は、公的医療保険に加入しなければなりません。
- 公的医療保険に加入すると保険料を支払わなければなりません。医療機関に行った時の医療費が3割ですみます。
- 加入していない場合は医療費の全額が自己負担になります。
- 公的医療保険に加入すると「健康保険証」がもらえます。
- 医療機関に行くときは、「健康保険証」が必要です。
- 日本の医療機関はすべて有料です。

Chế độ y tế cho người cao tuổi

後期高齢者医療制度



Đây là chế độ dành cho người bình thường trên 75 tuổi hoặc người khuyết tật từ trên 65 tuổi tới dưới 75 tuổi.

75歳以上の人、及び65歳以上75歳未満で障害のある人のための制度です。

Chế độ bảo hiểm điều dưỡng

介護保険制度

Đây là chế độ giúp đỡ cho những người cao tuổi mà cần có điều dưỡng. Để được nhận dịch vụ này thì cần được chứng nhận của nhà nước.


介護が必要になった高齢者を支える制度です。サービスを受けるためには認定が必要です。

Bảo hiểm y tế công cộng

公的医療保険

Đối với bảo hiểm y tế công cộng thì có 2 loại bảo hiểm là bảo hiểm quốc dân và bảo hiểm sức khỏe.

公的医療保険には、国民健康保険と健康保険の2種類があります。

	<p>Bảo hiểm quốc dân 国民健康保険</p>	<p>Bảo hiểm sức khỏe 健康保険</p>
<p>Nội dung của chế độ bảo hiểm 制度の内容</p>	<p>Chi phí chi trả cho việc khám chữa bệnh là 30% (ví dụ như phí khám chữa bệnh là 1000 Yên thì phải trả 300 Yên) 医療費の支払いが3割になります(例: 1,000円の医療費は300円)</p> <p>Tuy nhiên, với trẻ sơ sinh và người già từ 70 tuổi tới 74 tuổi thì cũng có những trường hợp là chỉ phải trả 20%。 ただし乳幼児や70歳~74歳の方は2割の場合もあります</p>	<p>Chi phí chi trả cho việc khám chữa bệnh là 30% (ví dụ như phí khám chữa bệnh là 1000 Yên thì phải trả 300 Yên) 医療費の支払いが3割になります(例: 1,000円の医療費は300円)</p> <p>Tuy nhiên, với trẻ sơ sinh và người già từ 70 tuổi tới 74 tuổi thì cũng có những trường hợp là chỉ phải trả 20%。 ただし乳幼児や70歳~74歳の方は2割の場合もあります</p>
<p>Đối tượng 対象者</p>	<p>Những người tự kinh doanh hoặc là không đi làm 自営業や働いていない人</p>	<p>Những người có đi làm tại các công ty 会社などで働いている人</p>
<p>Cách thức tham gia 加入方法</p>	<p>Tự mình đi tới cơ quan phụ trách vấn đề bảo hiểm quốc dân của uỷ ban làng, xã, phường, thành phố。 自分で市区町村の役所の国民健康保険担当係に行きます</p>	<p>Người chịu trách nhiệm sẽ làm thủ tục bảo hiểm xã hội tại nơi làm việc 勤務先の社会保険担当係が手続きします</p>
<p>Phí bảo hiểm 保険料</p>	<p>Thay đổi tùy theo địa phương và thu nhập 市区町村や所得により異なります</p> <p>Tự mình mang PHIẾU THU TIỀN được cơ quan hành chính địa phương gửi cho, tới bộ phận và cơ quan hành chính địa phương để nộp tiền 役所から送られてくる「納付書」を金融機関や役所に持って行き自分で納めます</p>	<p>Có thể bị trừ trực tiếp từ tiền lương 給料から差し引かれます</p>
<p>Thẻ bảo hiểm sức khỏe 健康保険証</p>	<p>Khi tham gia bảo hiểm thì nhận được THẺ BẢO HIỂM SỨC KHỎE 加入すると「健康保険証」がもらえます</p> <p>THẺ BẢO HIỂM SỨC KHỎE là giấy chứng minh cho việc bạn có tham gia đóng bảo hiểm nên hãy giữ gìn cẩn thận。 「健康保険証」は保険に加入していることを証明するものなので大切にしてください</p>	

Chú ý : Có những cơ sở y tế không được chi trả bảo hiểm (Ví dụ như các trung tâm mắt -xa) và những dịch vụ y tế không được bảo hiểm chi trả (như là tai nạn giao thông, mang thai, sinh con, phẫu thuật thẩm mỹ v.v...).

注意: 保険が適用されない医療機関(マッサージ院など)や保険が適用されない治療(交通事故や妊娠・出産、美容整形など)があります。

Sau khi thay đổi công việc và địa chỉ thì phải thông báo cho nơi bạn đã đăng ký tham gia trước đây。

仕事や住所が変わった時は、加入手続きをした場所に届け出なければなりません。

Những người tới từ những quốc gia có ký kết hiệp định bảo hiểm xã hội với Nhật Bản thì có thể không tham gia bảo hiểm cũng được。

日本と社会保障協定を締結している国の方は、加入しなくてよいこともあります。



Cách thức khám chữa bệnh ở các cơ sở y tế

医療機関の受診方法

1. Nhận hồ sơ

Bạn sẽ trình thẻ bảo hiểm sức khỏe tại quầy lễ tân của các cơ sở y tế, và điền vào phiếu thăm khám tình trạng của mình。

Đợi ở phòng chờ cho tới khi được gọi tên



1. 受付

医療機関の受付に「健康保険証」を出し、問診票に症状を記入します。名前が呼ばれるまで待合室で待ちます。



2. Khám

Khi được gọi tên, bạn sẽ đi vào phòng khám, giải thích cho bác sĩ về tình trạng hiện tại của mình và bác sĩ sẽ khám bệnh cho bạn。

Bác sĩ sẽ nói với bạn về những vấn đề như là tên bệnh, phương pháp điều trị, có phải uống thuốc hay không.v.v.. Nếu có gì không hiểu thì bạn có thể hỏi lại bác sĩ。

Sau khi khám xong, hãy đợi trong phòng chờ cho tới khi bạn được gọi tên。



2. 診察

名前が呼ばれたら診察室に入り、医師に症状を説明し、診察してもらいます。
病名や治療方法、薬の有無などについて医師から話を聞き、分からないことは質問します。
診察が終わったら名前が呼ばれるまで待合室で待ちます。



3. Thanh toán

Khi được gọi tên, bạn sẽ thanh toán tiền, nhận đơn thuốc (Tờ giấy có ghi thông tin của các loại thuốc)

(Trong trường hợp bệnh không cần uống thuốc thì sẽ không nhận được đơn thuốc)



3. 会計

名前が呼ばれたらお金を払い、処方箋(薬の情報が書かれた紙)をもらいます。(薬がない場合、処方箋はありません)



4. Nhà thuốc

Bạn đi đến nhà thuốc, trình đơn thuốc và SỔ THUỐC CÁ NHÂN cho quầy lễ tân, rồi sau đó ngồi đợi Khi được gọi tên thì bạn sẽ nhận lại thuốc và SỔ THUỐC CÁ NHÂN, đồng thời thanh toán tiền。

Nếu không hiểu về cách uống thuốc chẳng hạn thì bạn có thể hỏi lại。

※SỔ THUỐC CÁ NHÂN là thứ bạn sẽ nhận được khi lần đầu tiên đi tới nhà thuốc。

Từ lần thứ 2 trở đi, hãy sử dụng sổ thuốc cá nhân đó。



4. 薬局

薬局に行き、受付で処方箋と「お薬手帳」を渡し、待ちます。名前が呼ばれたら薬と「お薬手帳」をもらいお金を払います。飲み方などが分からない時は質問します。
※「お薬手帳」は初めて薬局に行った時に、薬局でもらいます。二度目以降もその「お薬手帳」を使います。

